TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:15/2021/HNGĐ - ST Ngày 28/10/2021. (*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*)	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*** ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Quốc Trị, ông Hà Xuân Ninh.

Thư ký phiên toà: ông Đoàn Thanh Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên toà: bà Hoàng Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2021/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST- HNGĐ, ngày 28/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972, tên gọi khác: Không.

Bị đơn: ông Nguyễn Văn Q sinh năm 1965, tên gọi khác: Không.

Đều trú tại: thôn A, xã G, huyện G, tỉnh N.

Bà H vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt. Ông Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2021 và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Tôi và ông Nguyễn Văn Q được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G T, huyện G vào ngày 12/6/1991. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống với nhau tại thôn A, xã G, huyện G. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất ổn về kinh tế, vợ chồng không thống nhất được với nhau trong cách làm ăn, quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra xô sát, đánh cãi chửi nhau. Ông Q thường xuyên có những lời lẽ chửi bới, xúc phạm, nhiều lúc còn hành hung tôi khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Tôi đã cố gắng nhẫn nhịn mong tìm cách hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng

nhưng không có kết quả. Ông Q ngày càng quá đáng hơn khiến vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa. Nay tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng tôi đã đến mức thật sự trầm trọng không thể khắc phục được nữa, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên tôi đề nghị Toà án nhân dân huyện G xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Chúng tôi có 3 con chung là các cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 15/5/1992, Nguyễn Văn K, sinh ngày 16/01/1997 và cháu Nguyễn Hồng Ng, sinh ngày 30/9/2007. Hiện nay các con chung là Q và K đã trưởng thành trên 18 tuổi và tự lập được cuộc sống nên tôi không đề nghị Toà án xem xét. Đối với cháu Ng, khi ly hôn nguyện vọng của tôi muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng và tôi không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cho tôi.

Về tài sản và công nợ chung: Chúng tôi không có nên tôi không đề nghị Tòa án xem xét.

Tại bản tự khai ngày 04/8/2021, bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bầy: Tôi và bà Nguyễn Thị H được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Thịnh, huyện G vào ngày 12/6/1991. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn An Ninh, xã G, huyện G. Trong thời gian chung sống vợ chồng cũng đôi lúc có một vài mâu thuẫn với nhau nhưng không lớn, chưa đến mức phải ly hôn. Gần đây do bà H có những biểu hiện bất thường và đòi ly hôn với tôi. Tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn nên không đồng ý ly hôn. Nếu bà H vẫn K quyết ly hôn thì đó là quyền của bà H.

Về con chung: Chúng tôi có 3 con chung là các cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 15/5/1992, Nguyễn Văn K, sinh ngày 16/01/1997 và cháu Nguyễn Hồng Ng, sinh ngày 30/9/2007. Do không đồng ý ly hôn nên tôi không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về con chung của chúng tôi.

Về tài sản và công nợ chung: tôi không đề nghị Toà án xem xét.

Tại phiên toà bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q; về con chung đề nghị giao cháu Nguyễn Hồng Ng cho bà Nguyễn Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bắt đầu

từ tháng 10/2021 cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với bà H. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung; về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn Q có địa chỉ tại thôn A, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 BLTTDS để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ nên Toà án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Q là hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn hai người chung sống với nhau tại thôn A, xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo sự trình bày của nguyên đơn cũng như qua xác minh tại cơ sở là do điều kiện kinh tế, con cái hư hỏng nên ông Q thường xuyên uống rượu rồi chửi bới, đánh đập vợ con. Mặc dù đã được mọi người khuyên bảo rất nhiều nhưng ông Q vẫn không thay đổi khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Bà H khẳng định hiện nay mâu thuẫn vợ chồng bà đã đến mức thật sự trầm trọng không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, bà không còn yêu thương ông Q nữa. Bản thân ông Q tuy nói rằng vợ chồng mâu thuẫn không lớn, chưa đến mức phải ly hôn. Tuy nhiên khi Tòa án tổ chức hòa giải, mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng ông Q vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay ông Q cũng vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ. Điều đó chứng tỏ ông Q không có thiện chí thực sự hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Q đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H, xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Q có 3 con chung là các anh Nguyễn Văn Q, sinh ngày 15/5/1992, Nguyễn Văn K, sinh ngày 16/01/1997 và cháu Nguyễn Hồng Ng, sinh ngày 30/9/2007. Đối với các anh Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn K đã trưởng thành trên 18 tuổi và tự lập được cuộc sống nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Hồng Ng thì bà H yêu

cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét hiện nay cả ông Q và bà H đều không vi phạm nghĩa vụ làm cha mẹ, đều có khả năng tạo ra thu nhập ổn định nên đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên để đảm bảo cuộc sống bình thường và xét theo nguyện vọng của cháu Ng muốn được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn nên cần giao cháu Nguyễn Hồng Ng cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi là thỏa đáng. Về việc cấp dưỡng nuôi con do bà H không có yêu cầu đề nghị gì nên không buộc ông Nguyễn Văn Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với bà H là phù hợp.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Bà H đề nghị tự vợ chồng thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Q cũng không có yêu cầu đề nghị gì nên Toà không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hồng Ng, sinh ngày 30/9/2007 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, bắt đầu từ tháng 11/2021 cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với bà H. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2021/0003914, ngày 29/4/2021.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh N;
- VKS huyện G;
- Chi cục THADS G;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

Nguyễn Hữu Quốc